

CHÍNH PHỦ
Số: 87/2002/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 5 tháng 11 năm 2002

CHÍNH PHỦ
NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ

Về hoạt động cung ứng và sử dụng dịch vụ tư vấn.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 28 tháng 10 năm 1995;

Nhằm khuyến khích phát triển hoạt động tư vấn;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ,

NGHỊ ĐỊNH:

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

- Nghị định này điều chỉnh hoạt động cung ứng và sử dụng dịch vụ tư vấn, trừ dịch vụ tư vấn pháp luật.
- Nghị định này không điều chỉnh hoạt động cung ứng dịch vụ tư vấn mà người sử dụng dịch vụ tư vấn không phải thanh toán phí tư vấn cho người cung ứng dịch vụ tư vấn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng.

- Nghị định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân Việt Nam cung ứng và sử dụng dịch vụ tư vấn thuộc mọi thành phần kinh tế.
- Nghị định này không áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài cung ứng dịch vụ tư vấn tại Việt Nam.

Điều 3. Áp dụng các văn bản pháp luật.

- Tất cả các hoạt động cung ứng và sử dụng dịch vụ tư vấn quy định tại khoản 1 Điều 1 đều phải tuân theo các quy định của Nghị định này.
- Trong trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia có quy định khác với quy định của Nghị định này thì áp dụng theo quy định của các Điều ước quốc tế đó.

Điều 4.Khuyến khích phát triển hoạt động tư vấn.

- 1.Nhà nước công nhận hoạt động tư vấn là một loại hình dịch vụ chuyên môn thuộc danh mục ngành nghề được Nhà nước quản lý.
- 2.Nhà nước khuyến khích và hỗ trợ sự phát triển hoạt động tư vấn, việc thành lập các hiệp hội tư vấn và có chính sách ưu đãi để phát triển các tổ chức tư vấn chuyên nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.
- 3.Hoạt động tư vấn được hưởng các mức ưu đãi cao nhất trong hệ thống các chính sách đối với hoạt động cung ứng dịch vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 5.Giải thích từ ngữ.

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 1.Hoạt động tư vấn là hoạt động thu thập, xử lý thông tin, vận dụng kiến thức chuyên môn, phát hiện vấn đề, đề xuất giải pháp, phương án, lập dự án và giám sát, đánh giá do các tổ chức chuyên môn, cá nhân Việt Nam thực hiện độc lập, khách quan theo yêu cầu của người sử dụng tư vấn.
- 2.Nhà tư vấn là tổ chức chuyên môn hoặc cá nhân thực hiện cung ứng dịch vụ tư vấn phù hợp với các quy định của Nghị định này.
- 3.Tổ chức tư vấn chuyên nghiệp là tổ chức chỉ tiến hành hoạt động cung ứng dịch vụ tư vấn và các hoạt động khác gắn liền với nghề tư vấn như nghiên cứu, đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật, cung cấp thông tin hoặc đại diện hợp pháp trong việc giải quyết các vấn đề đòi hỏi kiến thức chuyên môn.
- 4.Người sử dụng dịch vụ tư vấn là tổ chức hoặc cá nhân sử dụng dịch vụ tư vấn do nhà tư vấn cung ứng phù hợp với các quy định của Nghị định này.
- 5.Sử dụng dịch vụ tư vấn bằng nguồn ngân sách nhà nước là trường hợp sử dụng dịch vụ tư vấn mà phí trả cho nhà tư vấn được lấy từ ngân sách nhà nước.
- 6.Tư vấn độc lập là dịch vụ tư vấn được cung ứng bởi nhà tư vấn không phụ thuộc về hành chính hoặc về tài chính đối với người sử dụng dịch vụ tư vấn.

CHƯƠNG II

HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ TƯ VẤN

Mục A. CUNG ỨNG DỊCH VỤ TƯ VẤN

Điều 6.Điều kiện cung ứng dịch vụ tư vấn.

- 1.Đối với tổ chức hoạt động tư vấn:
 - a)Là doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ hoặc tổ chức khác có năng lực và kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực tư vấn, được thành lập và đăng ký hoạt động phù hợp với các quy định của pháp luật;
 - b)Có trụ sở và phương tiện làm việc;
 - c)Có ít nhất 2 người có đủ điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này.

2.Đối với cá nhân hoạt động tư vấn:

- a)Có trình độ cao đẳng, đại học trở lên thuộc lĩnh vực hành nghề tư vấn hoặc có chứng chỉ hành nghề tư vấn trong trường hợp pháp luật có quy định;
- b)Có tư cách đạo đức tốt;
- c)Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- d)Không ở trong tình trạng đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính trong lĩnh vực hành nghề tư vấn;
- đ)Phải hoạt động trong một tổ chức tư vấn nhất định.

3.Cán bộ, công chức được phép tham gia cung ứng dịch vụ tư vấn trong trường hợp sự tham gia đó không trái với Pháp lệnh Cán bộ, công chức.

Điều 7.Nguyên tắc hoạt động tư vấn.

- 1.Tuân thủ pháp luật.
- 2.Chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động nghề nghiệp của mình.
- 3.Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp.
- 4.Bảo đảm tính độc lập, trung thực, khách quan và khoa học của hoạt động tư vấn.
- 5.Giữ bí mật các thông tin nhận được từ người sử dụng dịch vụ tư vấn trong quá trình cung ứng dịch vụ tư vấn trừ trường hợp khách hàng đồng ý hoặc pháp luật có quy định khác.

Điều 8.Quyền của nhà tư vấn.

- 1.Tham dự bình đẳng các cuộc tuyển chọn hoặc đấu thầu tuyển chọn tư vấn.
- 2.Đàm phán và ký kết hợp đồng tư vấn.
- 3.Thu phí tư vấn theo thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn.
- 4.Hủy bỏ hoặc đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng tư vấn và yêu cầu bồi thường thiệt hại trong trường hợp người sử dụng dịch vụ tư vấn vi phạm những nghĩa vụ đã cam kết trong hợp đồng tư vấn.
- 5.Yêu cầu người sử dụng dịch vụ tư vấn cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết cho việc thực hiện hợp đồng tư vấn.
- 6.Thuê chuyên gia trong nước và nước ngoài để thực hiện hợp đồng tư vấn.
- 7.Tiến hành các hoạt động nhằm thúc đẩy xuất khẩu dịch vụ tư vấn.
- 8.Thành lập tổ chức tư vấn theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định này.
- 9.Tham gia các hiệp hội tư vấn trong nước, khu vực và quốc tế theo quy định của pháp luật.
- 10.Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9.Nghĩa vụ của nhà tư vấn.

1. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ trong hợp đồng tư vấn.

2. Tạo điều kiện thuận lợi cho người sử dụng dịch vụ tư vấn nộp đơn yêu cầu bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với các kết quả nhận được từ quá trình thực hiện hợp đồng tư vấn, trừ trường hợp hợp đồng tư vấn có quy định khác.

3. Bồi thường thiệt hại cho người sử dụng dịch vụ tư vấn khi vi phạm các nghĩa vụ đã cam kết trong hợp đồng tư vấn.

4. Thực hiện bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp.

5. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Nguyên tắc tính phí tư vấn.

1. Phí tư vấn được xác định thông qua thỏa thuận của hai bên trên cơ sở sau đây:

- a) Nội dung, khối lượng và tính chất công việc được xác định trong hợp đồng tư vấn;
- b) Thời gian và điều kiện làm việc của nhà tư vấn;
- c) Trình độ, kinh nghiệm và uy tín của nhà tư vấn.

2. Phí tư vấn được thỏa thuận theo các phương thức sau đây:

- a) Theo thời gian làm việc trong quá trình thực hiện dịch vụ tư vấn;
- b) Theo vụ việc với chi phí trọn gói;
- c) Theo tỷ lệ phần trăm (%) của giá trị công việc được tư vấn.

Mục B. SỬ DỤNG DỊCH VỤ TƯ VẤN

Điều 11. Quyền của người sử dụng dịch vụ tư vấn.

1. Đàm phán và ký kết hợp đồng tư vấn.

2. Yêu cầu nhà tư vấn thực hiện công việc tư vấn theo đúng khối lượng, chất lượng, thời hạn, địa điểm và các thỏa thuận khác theo hợp đồng tư vấn.

3. Hủy bỏ hoặc đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định của hợp đồng tư vấn trong trường hợp nhà tư vấn vi phạm những nghĩa vụ đã được cam kết trong hợp đồng tư vấn.

Điều 12. Nghĩa vụ của người sử dụng dịch vụ tư vấn.

1. Cung cấp trung thực cho nhà tư vấn những thông tin, tài liệu cần thiết để thực hiện dịch vụ tư vấn.

2. Thanh toán đầy đủ phí tư vấn cho nhà tư vấn theo thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn.

3. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Mục C.

NGUỒN KINH PHÍ SỬ DỤNG DỊCH VỤ TƯ VẤN